TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28/9/2023
"V/v *ly hôn, nuôi con chung giữa chị H và anh T*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Phạm Thị Loan

2.Bà Tăng Thị Hiệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gien Ny – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 97/2023/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023, về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 48/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn**:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn L, xã E, huyện R, tỉnh Đắk Lắkk.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt anh T; chị H có đơn xin xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày**:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Công T tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T vào ngày 24/01/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn, sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, đến tháng 10/2022 chị về sinh con và sinh sống tại Đắk Lắk, còn

anh T về xã T sinh sống. Ngay sau khi kết hôn thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau, vợ chồng còn không thống nhất được về chỗ ở chung và các vấn đề khác của vợ chồng. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 11/2022, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Công T có 01 con chung là Nguyễn Công Tuấn S sinh ngày 20/10/2022, hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Hiện tại, chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Công T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định thời gian và điều kiện hoàn cảnh kết hôn, như chị Nguyễn Thị H đã trình bày là đúng.

Theo anh sau khi kết hôn vợ chồng chung làm ăn sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, đến tháng 10/2022 chị H về sinh con và sinh sống tại Đắk Lắk, còn anh vẫn làm việc và sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, đến tháng 4/2023 thì anh về xã T sinh sống. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì, từ tháng 4/2023, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn chị H.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị Nguyễn Thị H đã khai là đúng. Ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh với gia đình anh Nguyễn Công T và cơ sở thôn S, xã T thấy: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Công T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quỳnh Thọ vào ngày 24/01/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó về Đắk Lắk sinh sống. Từ tháng 3/2023, anh T không sinh sống cùng chị H nữa mà về xã T sinh sống. Quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng thì gia đình và cơ sở thôn không biết, hiện tại vợ chồng đã ly thân. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T, gia đình và cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị H, anh T có 01 con chung là Nguyễn Công T Sang sinh ngày 20/10/2022, hiện đang ở với chị H. Nếu Tòa án giải quyết cho chị H, anh T ly hôn về giao con và cấp dưỡng cho con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Gia đình và cơ sở thôn không biết về tài sản chung của chị H và anh T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của bị đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng nên Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm chấp hành pháp luật của nguyên đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Công T; Xử giao con chung Nguyễn Công T Sang sinh ngày 20/10/2022, cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại trông nom và giáo dục con chung; Về tài sản: không đặt ra giải quyết; Chị H phải chịu cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện ly hôn và nuôi con chung với anh Nguyễn Công T, do anh T là bị đơn cư trú thôn S xã T, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Công T là vợ chồng, được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 24/01/2022 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến tháng 10/2022, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau và không thống nhất được về chỗ ở chung của vợ chồng. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 3/2023, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, chị xin ly hôn anh T. Anh T xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn chị H. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả, mặt khác vợ chồng vẫn ly thân, không ai quan tâm đến ai, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của anh chị thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Công T có 01 con chung là Nguyễn Công Tuấn S sinh ngày 20/10/2022, hiện đang ở với chị H. Ly hôn, chị H và anh T đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và

không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Xét nguyện vọng nuôi con của anh chị là chính đáng, cả hai đều có điều kiện nuôi con ngang nhau. Tuy nhiên, con chung đang ở với chị H, lại chưa đủ 12 tháng tuổi, ở lứa tuổi cần có sự quan tâm, chăm sóc đặc biệt của mẹ nên cần giao con chung Nguyễn Công T Sang cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Công T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên về tài sản chung Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Công T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Công T.

2.Về nuôi con chung: Xử giao con chung Nguyễn Công Tuấn S sinh ngày 20/10/2022 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh Nguyễn Công T cấp dưỡng cho con. Anh T có quyền đi lại thăm nom và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh T, chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3.Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số 0005820 ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ được thuyển thành tiền án phí

5.Về quyền kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Công T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;*
- *Nơi ĐKKH: UBND xã T;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên